

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 6281/QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 05 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 3670^a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 3652^a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 4/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội; Quyết định số 27/2023/QĐ-UBND ngày 22/11/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội

ban hành quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố Hà Nội tại Tờ trình số 437/TTr-SNN ngày 21/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này là Danh mục 32 thủ tục hành chính lĩnh vực Lâm nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trong đó, 23 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, 08 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, 01 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội (*Chi tiết tại phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ tục hành chính quy định tại số thứ tự 21 Phụ lục có hiệu lực thi hành kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Quyết định số 4129/QĐ-UBND ngày 12/8/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội hết hiệu lực.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tham mưu sửa đổi, bổ sung, chuẩn hóa, bãi bỏ quy trình nội bộ giải quyết các thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định này trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt theo quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, Ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hà Minh Hải

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP HUYỆN, ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Kèm theo Quyết định số 6281/QĐ-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội)

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
01	01	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định đầu tư	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Kiểm lâm Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.		- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1959/QĐ-BNN-LN ngày 25/06/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
02	02	Miễn, giảm tiền dịch vụ môi trường rừng (đối với bên sử dụng dịch vụ môi trường rừng trong phạm vi địa giới hành chính	15 ngày làm việc.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La,		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		của một tỉnh)		Hà Đông, Hà Nội.		- Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
03	03	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp	Trong thời hạn 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.	- Công nhận lâm phần tuyển chọn: 600.000 đồng/lô giống; - Công nhận vườn giống: 2.400.000 đồng/vườn giống.	- Thông tư số 30/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 207/2016/TT-BTC ngày 09 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính; - Thông tư số 14/2018/TT-BTC ngày 07/02/2018 của Bộ Tài chính; - Thông tư số 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 362/QĐ-BNN-TCLN ngày 20/01/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
04	04	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng rừng sang mục đích khác	định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.		Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
05	05	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Kiểm lâm Địa chỉ: Ba La, phường Phú La,		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phê phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Hà Đông, Hà Nội		Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
06	06	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ hoặc rừng sản xuất thuộc địa phương quản lý	45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Kiểm lâm Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
07	07	Chuyển loại rừng đối với khu rừng do UBND cấp tỉnh quyết định thành lập	44 ngày làm việc trong đó: - 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và PTNT trình UBND cấp tỉnh xem xét; - Trước 15 ngày của kỳ họp Hội đồng nhân dân	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Kiểm lâm Địa chỉ: Ba La. phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 4868/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			gần nhất, UBND cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định chủ trương chuyển loại rừng. Sau 15 ngày của kỳ họp, Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về chủ trương chuyển loại rừng; - 15 ngày làm việc sau khi có quyết định chủ trương, UBND cấp tỉnh quyết định chuyển loại rừng.			Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
08	08	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức	28 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính - Chi cục Kiểm lâm Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08/01/2024

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phạt phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
						của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 4202/QĐ-UBND ngày 23/8/2023 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
9	9	Phê duyệt phương án trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án tự trồng rừng thay thế	- 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp không phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa); - 45 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ (đối với trường hợp phải kiểm tra, đánh giá Phương án trồng rừng tại thực địa).	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
10	10	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế	(i) Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết		- Thông tư số 25/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
	đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế	trồng rừng trên địa bàn: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. (ii) Trường hợp UBND cấp tỉnh không bố trí được đất để trồng rừng trên địa bàn: + Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 57 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ. + Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 37 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số	quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế; 42 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế.			
11	11	Phê duyệt Phương án khai thác thực vật rừng thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và PTNT hoặc cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nguồn	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		vốn trồng rừng				của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
12	12	Phê duyệt hoặc điều chỉnh Phương án tạm sử dụng rừng	a) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 12 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ. b) Trường hợp diện tích rừng tạm sử dụng thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành chủ quản: 20 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 27/2024/NĐ-CP ngày 06/3/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; - Quyết định số 717/QĐ-BNN-LN ngày 12/03/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
13	13	Phê duyệt điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc	55 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		dụng thuộc địa phương quản lý		chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
14	14	Quyết định giao rừng cho tổ chức	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định giao rừng: 35 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, chính xác. - Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức bàn giao rừng tại thực địa cho tổ chức: 10 ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định giao	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			rừng của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.			
15	15	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
16	16	Phê duyệt Phương án sử dụng rừng đối với các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phê phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
17	17	Quyết định thu hồi rừng đối với tổ chức tự nguyện trả lại rừng	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
18	18	Quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	- Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 35 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác: 48 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
19	19	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của địa phương	Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.		- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2024; - Quyết định số 3670a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
20	20	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập	Trường hợp không phải xác minh: 06 ngày làm việc. Trường hợp phải xác	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục		- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		khẩu, xuất khẩu gỗ	minh: 14 ngày làm việc.	Kiểm lâm Hà Nội Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội.		- Thông tư số 21/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
21	21	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu.	- 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp có thông tin vi phạm: 06 ngày làm việc	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính tại Cơ quan Kiểm lâm Sở tại: Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 1: Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 2: 376 Bạch Đằng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số		- Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phê phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 5: Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT.Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 9: TT.Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 10: Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội		- Quyết định 3652a/QĐ-BNN-KL ngày 25/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
22	22	Xác nhận bảng kê lâm sản	- Trường hợp không phải xác minh: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính tại Cơ quan Kiểm lâm		- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; - Nghị định số 84/2021/NĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		- Trường hợp phải xác minh: 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp xác minh có nhiều nội dung phức tạp: Không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Sở tại: Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 1: Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 2: 376 Bạch Đằng, Hoàn Kiếm, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 5: Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT. Xuân Mai, Chương Mỹ,		CP ngày 22/9/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 102/2020/NĐ-CP ngày 01/9/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 120/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 9: TT. Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 10: Minh Cường, Thường Tín, Hà Nội		
23	23	Đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài động vật rừng, thực vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ. Trường hợp cần kiểm tra thực tế các điều kiện nuôi trồng cơ quan cấp mã số chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan tổ chức thực hiện tối đa là 30 ngày.	* Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Kiểm lâm Hà Nội: - Đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản vì mục đích thương mại.		- Nghị định số 06/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ; - Nghị định 84/2021/NĐ-CP ngày 22/09/2021 của Chính phủ; - Quyết định số 2177/QĐ-TTg ngày 23/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ; - Quyết định số 4357a/QĐ-BNN-TCLN ngày 10/11/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 4610/QĐ-UBND ngày 22/11/2022 của UBND thành phố Hà Nội; - Quyết định số 6680/QĐ-

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phê phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			Địa chỉ: Ba La, phường Phú La, Hà Đông, Hà Nội. * Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Hạt Kiểm lâm: Đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thực vật rừng, động vật rừng Nhóm II và các loài động vật, thực vật thuộc Phụ lục II, III CITES không phải loài thủy sản không vì mục đích thương mại. Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 1: Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 2: 376 Bạch Đằng,		UBND ngày 29/12/2023 của UBND thành phố Hà Nội; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội. - Quyết định số 127/QĐ-UBND ngày 09/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phê phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Hoàn Kiếm, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 5: Liên Hà, Đan Phượng, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT.Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội. - Hạt Kiểm lâm số 9: TT.Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội. - Hạt Kiểm lâm số 10: Minh Cường, Hà Nội. * Bộ phận tiếp		

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				nhận và trả kết quả thủ tục hành chính Chi cục Chăn nuôi, Thủy sản và Thú y Hà Nội: Đối với trường hợp đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài thủy sản thuộc Phụ lục II CITES. Địa chỉ: Số 114, đường Lê Trọng Tấn, phường La Khê, quận Hà Đông, TP Hà Nội.		

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
24	01	Phê duyệt phương án khai thác động vật rừng thông thường từ	10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Hạt kiểm cấp		- Thông tư 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		tự nhiên		huyện. (nơi có rừng) Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội; Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT.Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 9: TT.Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội.		PTNT; - Quyết định số 374/QĐ-BNN-TCLN ngày 19/01/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 978/QĐ-UBND ngày 21/02/2024 của UBND thành phố Hà Nội.
25	02	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch UBND cấp huyện, cấp	15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/10/2019 của Bộ Nông nghiệp & PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		xã quyết định đầu tư				BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 1959/QĐ-BNN-LN ngày 25/06/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT;
26	03	Phê duyệt phương án khai thác thực vật rừng loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện	10 ngày kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Thông tư số 22/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 240/QĐ-BNN-LN ngày 10/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
27	04	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của Chủ rừng là hộ gia	22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT;

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái.				- Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT; - Quyết định số 178/QĐ-BNN-LN ngày 08/01/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
28	05	Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		- Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 1959/QĐ-BNN-LN ngày 25/06/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
29	06	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Hạt kiểm cấp huyện. (nơi có rừng) Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội;		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT.Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 9: TT.Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội.		của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
30	07	Quyết định thu hồi rừng đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư tự nguyện trả lại rừng	20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thủ tục hành chính Hạt kiểm cấp huyện. (nơi có rừng) Địa chỉ: - Hạt Kiểm lâm số 4: Phù Linh, Sóc Sơn, Hà Nội; Hạt Kiểm lâm số 6: Đồng Thái, Ba Vì, Hà Nội;		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				- Hạt Kiểm lâm số 7: 368 Chùa Thông, Phú Thịnh, Sơn Tây, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 8: TT.Xuân Mai, Chương Mỹ, Hà Nội; - Hạt Kiểm lâm số 9: TT.Đại Nghĩa, Mỹ Đức, Hà Nội.		
31	08	Lập biên bản kiểm tra hiện trường xác định nguyên nhân, mức độ thiệt hại rừng trồng	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính UBND cấp huyện		- Nghị định số 140/2024/NĐ-CP của Chính phủ ngày 25/10/2024; - Quyết định số 3670^a/QĐ-BNN-LN ngày 28/10/2024 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

STT		Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
32	01	Quyết định giao rừng cho hộ gia đình, cá	50 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành		- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018

		nhân và cộng đồng dân cư		chính UBND cấp xã		của Chính phủ; - Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ; - Quyết định số 2490/QĐ-BNN-LN ngày 19/7/2014 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.
--	--	--------------------------	--	-------------------	--	---